

Số: **1812**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **17** tháng **7** năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Ban hành Danh mục dữ liệu về địa danh và danh nhân để đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng;

Căn cứ Nghị quyết 05/2010/NQ-HĐND ngày 20/4/2010 của HĐND tỉnh quy định đặt tên, đổi tên đường, phố và các công trình công cộng trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tư vấn Đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Danh mục dữ liệu 348 mục từ về địa danh và danh nhân để thực hiện việc đặt tên, đổi tên đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn tỉnh (Có danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng tư vấn Đặt tên, đổi tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh; Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ VH,TT&DL (b/c);
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CVP, PVP;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Chính**

**DANH MỤC**  
**TÊN ĐỊA DANH, DANH TỪ CÓ Ý NGHĨA, DI TÍCH LỊCH SỬ-VĂN HOÁ-DANH LAM, THẮNG CẢNH,**  
**PHONG TRAO CÁCH MẠNG, SỰ KIỆN LỊCH SỬ, CHIẾN THẮNG TIÊU BIỂU**  
**(Xếp theo thứ tự A, B, C... bằng chữ cái đầu tiên của mục từ)**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1812 /QĐ-UBND, ngày 17 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh)*

TT	Mục từ (Tên)	Thể loại	Xuất xứ/Nội dung	Ghi chú
01	Ái Tử	Địa danh - Di tích LSVH	Ở huyện Triệu Phong. Thủ phủ của chúa Nguyễn Hoàng, nơi định đô đầu tiên trong sự nghiệp mở cõi Phương Nam	Quảng Trị
02	Ấu Lạc	Danh từ có ý nghĩa	Quốc hiệu nước ta thời Thục phán An Dương Vương (khoảng cuối TK III tr.CN - 197 tr.CN).	Quốc gia
03	Ba Lòng	Địa danh - Danh từ có ý nghĩa - Di tích LSVH	Ở huyện ĐaKrong. Chiến khu cách mạng của tỉnh Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Pháp	Quảng Trị
04	Bạch Đằng	Địa danh - chiến thắng LS tiêu biểu - di tích LSVH	Nơi diễn ra 3 lần đánh thắng quân xâm lược phương Bắc (938, 981 và 1288).	Quốc gia
05	Bắc Sơn	Danh từ có ý nghĩa	Tên một châu/huyện (Lạng Sơn). Nơi nổ ra cuộc khởi nghĩa chống Pháp ngày 22-9-1940.	Quốc gia
06	Bến Hải	Địa danh và danh từ có ý nghĩa	Ở huyện Vĩnh Linh và Gio Linh. Ranh giới quân sự tạm thời trên vĩ tuyến 17 chia cắt nước Việt Nam thành 2 miền từ 1954-1972	Quảng Trị
07	Bến Tắt	Địa danh và di tích LSVH	Ở huyện Do Linh. Nơi có cầu treo Bến Tắt thuộc Đường Hồ Chí Minh	Quảng Trị
08	Cát Dinh	Danh từ có ý nghĩa - Di tích LSVH	Ở huyện Triệu Phong. Thủ phủ của Chúa Nguyễn trong buổi đầu dựng nghiệp ở Đàng Trong (1558-1626)	Quảng Trị
09	Cần Vương	Tên một phong trào yêu nước	Khởi xướng ở Tân Sở (Quảng Trị) do Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi.	Quốc gia
10	Chi Lăng	Địa danh - Chiến thắng LS tiêu biểu - di tích LSVH	Thuộc tỉnh Lạng Sơn. Nơi diễn ra trận thắng lớn của nghĩa quân Lê Lợi diệt 1 vạn quân xâm lược Minh.	Quốc gia
11	Chương Dương	Địa danh - Chiến thắng LS tiêu biểu - Di tích LSVH	Nơi quân của Trần Quang Khải đánh tan quân Nguyên năm 1285.	Quốc gia

TT	Mục từ (Tên)	Thể loại	Xuất xứ/Nội dung	Ghi chú
12	Cồn Cỏ	Địa danh - Danh từ có ý nghĩa - Di tích LSVH	Hòn đảo tiền tiêu bảo vệ địa đầu giới tuyến miền Bắc. Nơi từng diễn ra cuộc chiến đấu oanh liệt của quân và dân ta. Hai lần được nhà nước phong tặng danh hiệu AHLLVTND.	Quảng Trị
13	Cồn Tiên	Địa danh - Danh từ có ý nghĩa - Di tích LSVH	Ở huyện Do Linh. Cự điểm quân sự của Mỹ-ngụy trên Hàng rào điện tử Mc.Namara. Ghi dấu nhiều chiến công của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.	Quảng Trị
14	Cửa Tùng	Danh thắng	Ở huyện Vĩnh Linh. Được mệnh danh là Nữ hoàng của các bãi tắm	Quảng Trị
15	Cửa Việt	Địa danh-Danh từ có ý nghĩa	Ở huyện Gio linh, Triệu Phong. Thương cảng thời chúa Nguyễn, địa danh gắn với chiến thắng thời chống Mỹ	Quảng Trị
16	Dốc Miếu	Địa danh - Danh từ có ý nghĩa - Di tích LSVH	Ở huyện Do Linh. Cự điểm quân sự mạnh của Mỹ-ngụy từng được mệnh danh là “Con mắt thần” của Hàng rào điện tử Mc.Namara. Ghi dấu nhiều chiến công của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.	Quảng Trị
17	Đại Cồ Việt	Danh từ có ý nghĩa	Quốc hiệu nước ta thời nhà Đinh, nhà Tiền Lê và đầu đời Lý (968-1054).	Quốc gia
18	Điện Biên Phủ	Địa danh - Chiến thắng LS tiêu biểu - Di tích LSVH	Thành phố tinh lỵ Điện Biên. Nơi ghi dấu chiến thắng oanh liệt của quân và dân ta đánh tan quân đội Pháp, tiến tới ký kết Hiệp định Genève.	Quốc gia
19	Đông Kinh Nghĩa Thục	Danh từ có ý nghĩa	Tên một trường học lập từ 1907 ở Hà Nội. Nơi khởi xướng phong trào Đông Du chống Pháp.	Quốc gia
20	Hàm Tử	Địa danh và chiến thắng LS tiêu biểu	Ở xã Hàm Tử (Khoái Châu - Hưng Yên). Nơi Trần Nhật Duật đánh tan quân lược Nguyên năm 1285.	Quốc gia
21	Hiền Lương	Danh từ có ý nghĩa - Di tích LSVH	Tên chiếc cầu bắc qua sông Bến Hải. Di tích tiêu biểu phản ánh nỗi đau chia cắt 2 miền Nam-Bắc và cuộc đấu tranh vì khát vọng thống nhất đất nước.	Quảng Trị
22	Khe Sanh	Địa danh và chiến thắng LS tiêu biểu	Ở huyện Hướng Hoá. Nơi ghi dấu chiến công oanh liệt của quân và dân ta trong chiến dịch giải phóng Khe Sanh năm 1968	Quảng Trị
23	Làng Vây	Địa danh - Chiến thắng LS tiêu biểu - Di tích LSVH	Ở huyện Hướng Hoá. Nơi ghi dấu chiến công oanh liệt của quân và dân ta trong chiến dịch giải phóng Khe Sanh năm 1968	Quảng Trị



TT	Mục từ (Tên)	Thể loại	Xuất xứ/Nội dung	Ghi chú
24	Lao Bảo	Địa danh và danh từ có ý nghĩa	Ở huyện Hướng Hoá. Nơi gắn với di tích Nhà tù Lao Bảo thời Pháp và cửa khẩu quốc tế thời nay.	Quảng Trị
25	Mai Lĩnh	Danh từ có ý nghĩa	Tên của ngọn núi mang tính biểu trưng của văn hoá Quảng Trị trong cặp đôi sông núi: Non Mai - Sông Hàn; thuộc địa phận huyện Đakrông.	Quảng Trị
26	Quốc lộ 9	Danh từ có ý nghĩa	Tên con đường được đặt từ thời thuộc Pháp: La route Coloniale No 9 (Đường Thuộc địa số 9). Con đường gắn với nhiều chiến công huyền thoại trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Con đường Xuyên Á nay.	Quảng Trị
27	Tà Cơn	Địa danh - Danh từ có ý nghĩa - Di tích LSVH	Ở huyện Hướng Hoá. Nơi ghi dấu chiến công oanh liệt của quân và dân ta trong chiến dịch giải phóng Khe Sanh năm 1968	Quảng Trị
28	Tân Sở	Địa danh - Danh từ có ý nghĩa - Di tích LSVH	Ở huyện Cam Lộ. Sơn phòng/Kinh đô dã chiến của phái chủ chiến triều Nguyễn chống Pháp, đứng đầu là Hàm Nghi và Tôn Thất Thủyết. Nơi khởi xướng phong trào Cần Vương chống Pháp (13-7-1885).	Quảng Trị
29	Tây Sơn	Địa danh và phong trào khởi nghĩa	Ở huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Nơi khởi xướng phong trào Tây Sơn của Nguyễn Huệ.	Quốc gia
30	Thạch Hãn	Danh từ có ý nghĩa	Tên của dòng sông mang tính biểu trưng của văn hoá Quảng Trị trong cặp đôi sông núi: Non Mai - Sông Hàn. Thắng tích được tạc vào Cửu đỉnh. Nơi hoá thân của những linh hồn bất tử trong cuộc chiến đấu 81 ngày đêm năm 1972.	Quảng Trị
31	Thành cổ	Danh từ có ý nghĩa - Di tích LSVH	Ở thị xã Quảng Trị. Lỵ sở/Trung tâm hành chính, chính trị Quảng Trị thời Nguyễn. Nơi gắn với sự kiện lịch sử của cuộc chiến đấu chống phản kích, tái chiếm bảo vệ thị xã Quảng Trị trong 81 ngày đêm (từ 28/6 đến 16/9) năm 1972.	Quảng Trị
32	Thuận Châu	Danh từ có ý nghĩa - Di tích LSVH	Tên đơn vị hành chính của tỉnh QT xưa: châu Thuận (thế kỷ XV-XVI). Trung tâm chính trị/lỵ sở của châu Thuận và huyện Thuận Xương/Vũ Xương/ Đãng Xương (từ thế kỷ XVI - XVIII)	Quảng Trị

TT	Mục từ (Tên)	Thể loại	Xuất xứ/Nội dung	Ghi chú
33	Thủy Ba	Địa danh-Danh từ có ý nghĩa	Ở huyện Vĩnh Linh. Chiến khu cách mạng của Vĩnh Linh Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Pháp	Quảng Trị
34	Trường Sơn	Địa danh-Danh từ có ý nghĩa	Con đường quân sự chiến lược Quốc gia từ Bắc vào Nam thời chống Mỹ (tên gọi khác là đường Hồ Chí Minh)	Quốc gia
35	Văn Lang	Danh từ có ý nghĩa	Quốc hiệu nước ta thời Hùng Vương.	Quốc gia
36	Vịnh Mốc	Địa danh và di tích LSVH	Ở huyện Vĩnh Linh. Nơi gắn với Địa đạo Vịnh Mốc - bằng chứng tạo của của quân và dân Quảng Trị trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ.	Quảng Trị
37	Vĩnh Định	Danh từ có ý nghĩa	Tên của dòng sông - Thắng tích được tạc vào Cửu đỉnh.	Quảng Trị

**TỔNG CỘNG: 37 mục từ.**

***Trong đó:***

- Tên địa danh, danh từ có ý nghĩa, di tích lịch sử, văn hoá, danh lam, thắng cảnh của QUỐC GIA có: **13 mục từ.**

- Tên địa danh, danh từ có ý nghĩa, di tích lịch sử, văn hoá, danh lam, thắng cảnh của địa phương TỈNH QUẢNG TRỊ có: **24 mục từ.**



**DANH MỤC  
TÊN DANH NHÂN TIÊU BIỂU**

**(Xếp theo thứ tự A, B, C... bằng chữ cái đầu tiên của mục từ)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1812 /QĐ-UBND, ngày 17 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh)*

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quốc quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
01	An Dương Vương		Nhân vật huyền sử	Cổ trung đại
02	Âu Cơ		Nhân vật huyền sử	Cổ trung đại
03	Bà Huyện Thanh Quan (?)	Tây Hồ - Hà Nội	Quan triều Nguyễn - Nhà thơ	Cận đại
04	Bà Triệu (226 - 248)	Nông Cống - Thanh Hóa	Nữ anh hùng của cuộc khởi nghĩa chống quân xâm lược Ngô (246-248)	Cổ trung đại
05	Bạch Thái Bưởi (1877 - 1932)	Thanh Trì - Hà Nội	Nhà tư sản Việt Nam yêu nước đi đầu trong phong trào chấn hưng thời Pháp.	Cận đại
06	Bùi Dục Tài (Thế kỷ XVI)	Hải Lăng - Quảng Trị	Tiến sĩ khai khoa xứ Đàng Trong thời Lê	Cổ trung đại
07	Bùi Dương Lịch (1757 - 1828)		Quan triều Lê - Nhà văn hoá, nhà thơ	Cổ trung đại
08	Bùi Thị Xuân (? - 1802)	Bình Khê - Bình Định	Nữ tướng thời Tây Sơn nhân vật lịch sử	Cổ trung đại
09	Bùi Trung Lập (? - 1947)	Gio Linh - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Trị lâm thời (1945)	Hiện đại
10	Bùi Viện (1838 - 1878).	Tiền Hải - Thái Bình	Quan triều Nguyễn - Nhà cải cách	Cận đại
11	Cao Bá Quát (1808 - 1855)	Gia Lâm - Hà Nội	Quan triều Nguyễn - Nhà văn hóa uyên bác.	Cận đại
12	Cao Thắng (1864 - 1892)	Hương Sơn - Hà Tĩnh	Nhà quân sự, người chế tạo ra súng trường trong khởi nghĩa Hương Khê.	Cận đại
13	Cao Xuân Dục (1842 - 1923)	Đông Thành - Nghệ An	Quan triều Nguyễn - Nhà văn hóa	Cận đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
13	Châu Loan (1926 - 1972)	Vĩnh Linh - Quảng Trị	Nhà hoạt động nghệ thuật - Nghệ sĩ nhân dân	Hiện đại
14	Chế Lan Viên (1920 - 1989)	Cam Lộ - Quảng Trị	Nhà hoạt động văn hoá - Nhà thơ	Hiện đại
15	Chu Mạnh Trinh (1862 - 1905)	Hung Yên	Quan triều Nguyễn - Nhà văn hóa	Cận đại
16	Chu Văn An (1292 - 1370)	Thanh Trì - Hà Nội	Nhà giáo, nhà văn hóa lớn của Việt Nam. Tổ sư nghề dạy học	Cổ trung đại
17	Cù Chính Lan (1930 - 1952)	Quy nh Lưu - Nghệ An	Anh hùng LL.VTND thời chống Pháp	Hiện đại
18	Côn Púa (? - 1947)	Hướng Hóa - Quảng Trị	Thủ lĩnh nghĩa binh Văn Kiêu - Tà Ôi trong cuộc nổi dậy chống Pháp (1915 - 1916)	Cận đại
19	Dã Tượng (Thế kỷ XIII)	Không xác định	Quan thời Trần, từng có nhiều công trạng trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên (1285-1288). Tổ nghề rèn.	Cổ trung đại
20	Duy Tân (1890 - 1945)	Thừa Thiên Huế	Hoàng đế triều Nguyễn. Linh hồn của phong trào Duy Tân chống Pháp.	Cận đại
21	Dương Quảng Hàm (1898 - 1946)	Văn Giang - Hưng Yên	Nhà văn hoá, khoa học - Liệt sỹ thời chống Pháp.	Cận đại
22	Dương Văn An (1513 - ?)	Lệ Thủy - Quảng Bình	Tiến sĩ, quan triều Mạc - Nhà nghiên cứu địa chí.	Cổ trung đại
23	Đào Duy Anh (1904 - 1988)	Thanh Oai - Hà Nội	Nhà văn hoá - Nhà khoa học - Nhà hoạt động cách mạng.	Hiện đại
24	Đào Duy Tùng (1924 - 1998)	Đông Anh - Hà Nội	Nhà hoạt động cách mạng - Nhà chính trị.	Hiện đại
25	Đào Duy Từ (1572 - 1634)	Tĩnh Gia - Thanh Hóa	Quan thời chúa Nguyễn - Nhà nghiên cứu quân sự và nghệ thuật. Tổ nghề hát tuồng.	Cổ trung đại

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
26	Đào Tấn (1845 - 1907)	Tuy Phước - Bình Định	Quan triều Nguyễn - Nhà soạn tuồng số 1 Việt Nam	Cận đại
27	Đặng Dân (1922 - 1968)	Triệu Phong - Quảng Trị	Liệt sĩ - Anh hùng LLVTND	Hiện đại
28	Đặng Dung (? - 1414)	Can Lộc - Hà Tĩnh	Tướng xuất sắc thời Trần. Thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa nhà Hậu Trần chống quân Minh ở Thuận Hoá.	Cổ trung đại
29	Đặng Huy Trứ (1825 - 1874)	Hương Điền - Thừa Thiên Huế	Quan triều Nguyễn - Nhà nghiên cứu văn hoá. Tổ nghề chụp ảnh Việt Nam.	Cận đại
30	Đặng Tắt (? - 1409)	Can Lộc - Hà Tĩnh	Quan triều Trần, có công trong cuộc khởi nghĩa nhà Hậu Trần chống quân Minh.	Cổ trung đại
31	Đặng Thai Mai (1902 - 1984)	Thanh Chương - Nghệ An	Nhà hoạt động cách mạng - Nhà chính trị và là nhà nghiên cứu văn hóa.	Hiện đại
32	Đặng Thái Thân (1873 - 1910)	Nghi Lộc - Nghệ An	Nhà chí sĩ yêu nước. Một trong những người khởi xướng Hội Duy Tân và Việt 34 Nam Quang Phục Hội.	Cận đại
33	Đặng Thi (1921 - 2001)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Trị (1945-1948). Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước	Hiện đại
34	Đặng Tiến Đông (1738 - 1803)	Hà Nội	Tướng xuất sắc thời Tây Sơn.	Cổ trung đại
35	Đặng Trần Côn (Thế kỷ XVIII)	Thanh Trì - Hà Nội	Nhà thơ, nổi tiếng với <i>Chinh phụ ngâm</i> .	Cổ trung đại
36	Đặng Văn Ngữ (1910 - 1967)	TP Huế - Thừa Thiên Huế	Nhà khoa học xuất sắc ngành Y. Liệt sĩ, Anh hùng LLVTND.	Hiện đại
37	Đặng Xuân Bảng (1828 - 1910)	Xuân Trường - Nam Định	Tiến sĩ, quan triều Nguyễn - Học giả - Nhà nghiên cứu văn hoá, nhà thơ.	Cận đại
38	Đình Công Tráng	Thanh Liêm - Hà	Lãnh tụ khởi nghĩa Ba Đình của phong trào Cần	Cận đại



<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
	(1842 - 1887)	Nam	Vương.	
39	Đinh Lễ (? - 1427)	Thọ Xuân - Thanh Hóa	Nhân vật lịch sử của nghĩa quân Lê Lợi, có công đánh thắng quân Minh.	Cổ trung đại
40	Đinh Liệt (? - 1471)	Thọ Xuân - Thanh Hóa	Nhân vật lịch sử của nghĩa quân Lê Lợi, có công đánh thắng quân Minh.	Cổ trung đại
41	Đinh Tiên Hoàng (924 - 979)	Hoa Lư - Ninh Bình	Hoàng đế sáng lập nên triều Đinh.	Cổ trung đại
42	Đoàn Bá Thừa (1908 - 1995)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Trị (1931-1934), Khánh Hoà (1935-1936).	Cận đại
43	Đoàn Nhữ Hải (1280 - 1335)	Gia Lộc - Hải Dương	Quan triều Trần, có công thu phục dân Ô. Lý buổi đầu.	Cổ trung đại
44	Đoàn Hữu Trưng (1844 - 1866)	Phú Vang - Thừa Thiên Huế.	Thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa “giặc chày vôi” chống lại triều đình Tự Đức.	Cận đại
45	Đoàn Khuê (1923 - 1999)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng, chính trị và quân sự. Đại tướng QĐND Việt Nam	Hiện đại
46	Đoàn Thị Diễm (1705 - 1748)	Yên Mỹ - Hưng Yên	Nhà thơ lớn.	Cổ trung đại
47	Đoàn Trần Nghiệp (1908 - 1931)	Thanh Oai - Hà Nội	Nhà hoạt động cách mạng.	Cận đại
48	Đội Cấn (? - 1918)	Vĩnh Tường - Vĩnh Phúc	Nhà yêu nước chống Pháp. Thủ lĩnh của khởi nghĩa Thái Nguyên (1917 - 1918)	Cận đại
49	Đội Cung (? - )	Thanh Hóa	Nhà yêu nước chống Pháp. Thủ lĩnh của vụ binh biến Đô Lương (1941)	Cận đại
50	Hai Bà Trưng (? - 40)	Mê Linh - Hà Nội	Anh hùng dân tộc. Lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa chống quân xâm lược Hán (năm 40) giành độc lập.	Cổ trung đại
51	Hà Huy Tập (1902 - 1941)	Hà Tĩnh	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương (1935 - 1936)	Cận đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
52	Hàm Nghi (1872 - 1947)	Thừa Thiên Huế	Hoàng đế triều Nguyễn. Linh hồn của phái chủ chiến triều đình Huế. Người khởi xướng phong trào Cần Vương	Cận đại
53	Hàn Thuyên (1229 - ?)	Nam Sách - Hải Dương	Quan đại thần triều Trần - Người khởi xướng thơ nôm theo luật Đường.	Cổ trung đại
54	Hàn Mặc tử (1912 - 1940)	Đồng Hới - Quảng Bình	Nhà thơ nổi tiếng trong phong trào <i>Thơ Mới</i> .	Cận đại
55	Hải Thượng Lãn Ông (1720 - 1791)	Mỹ Hào - Hưng Yên	Danh y nổi tiếng, danh sư bậc nhất Việt Nam - Nhà văn.	Cổ trung đại
56	Hải Triều (1908 - 1954)	Tp Huế - Thừa Thiên Huế	Nhà hoạt động cách mạng và hoạt động văn hoá, văn học, nghệ thuật.	Cận đại
57	Hoàng Diệu (1829 - 1882)	Điện Bàn - Quảng Nam	Quan triều Nguyễn. Người chủ chiến đánh Pháp. Tử thủ và mất cùng thành Hà Nội (1882).	Cận đại
58	Hoàng Hoa Thám (1858 - 1913)	Tiên Lữ - Hưng Yên	Thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1887-1913) chống Pháp.	Cận đại
59	Hoàng Hữu Cháp (1916-1946)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh uỷ lâm thời Quảng Trị (1936-1937)	Cận đại
60	Hoàng Kế Viêm (1820 - 1909)	Quảng Ninh - Quảng Bình	Quan triều Nguyễn, tích cực chống Pháp và mở mang kinh tế.	Cận đại
61	Hoàng Kim Hùng (1764-1835)	Cam Lộ- Quảng Trị	Danh tướng thời Tây Sơn	Cổ trung đại
62	Hoàng Quốc Việt (1902 - 1999)	Võ Giàng - Bắc Ninh	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Chiến sĩ cách mạng tiền bối. Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước.	Hiện đại
63	Hoàng Thị Ái (1900 - 2004)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước.	Hiện đại
64	Hoàng Văn Thái	Tiền Hải - Thái	Nhà hoạt động cách mạng, nhà quân sự. Đại tướng	Hiện đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
	(1915 - 1986)	Bình	QĐNDVN	
65	Hoàng Văn Thụ (1906 - 1944)	Văn Lãng - Lạng Sơn	Nhà cách mạng, chiến sĩ Cộng sản tiền bối.	Cận đại
66	Hồ Nguyên Trừng (Thế kỷ 15)	Vĩnh Phúc - Thanh Hoá	Quan triều Hồ. Nhà quân sự. Người sáng chế ra súng "Thần cơ".	Cổ trung đại
67	Hồ Quý Ly (1335 - ?)	Hà trung - Thanh Hoá	Hoàng đế, người sáng lập triều Hồ. Nhà cải cách xã hội.	Cổ trung đại
68	Hồ Sĩ Thân (1913 - 1995)	Đông Hà - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Trị (1965 - 1975).	Hiện đại
69	Hồ Tùng Mậu (1896 - 1951)	Quỳnh Lưu - Nghệ An	Nhà cách mạng, chiến sĩ Cộng sản tiền bối. Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước.	Hiện đại
70	Hồ Văn Xích- Lê Hành (1910 - 1998)	Hải Lăng - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Trị (cuối 1973).	Hiện đại
71	Hồ Xuân Hương (Thế kỷ XIX)	Quỳnh Lưu - Nghệ An	Nhà thơ. Người được mệnh danh là "Bà chúa thơ Nôm"	Cổ trung đại
72	Hồ Xuân Lưu (1911 - ?)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Trị (1940).	Cận đại
73	Hồng Chương (1900 - 1989)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng - Nhà báo, nhà lý luận văn học cách mạng.	Cận đại
74	Hùng Vương	Lâm Thao - Phú Thọ	Vua của nước Văn Lang. Thủy tổ của dân Việt. Nhân vật truyền thuyết.	Cổ trung đại
75	Huyền Quang (1254- 1334)	Gia Bình - Bắc Ninh	Thiền sư - Nhà thơ. Vị tổ thứ 3 của dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử.	Cổ trung đại
76	Huyền Trân Công Chúa	Hà Nội	Người phụ nữ gắn với cuộc hôn nhân chính trị Việt-Chăm (1306) đem về cho quốc gia Đại Việt 2 châu Ô,	Cổ trung đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
	(? - ?)		Lý.	
77	Huỳnh Thúc Kháng (1875 - 1947)	Tiên Phước - Quảng Nam	Nhà chí sĩ yêu nước. Người khởi xướng phong trào Duy Tân - Nhà hoạt động cách mạng tiền bối, nhà chính trị - Nhà văn.	Cận đại
78	Khóa Bào (1860 - 1920)	Cam Lộ - Quảng Trị	Sĩ phu yêu nước chống Pháp. Thủ lĩnh của phong trào Duy Tân ở Quảng Trị	Cận đại
79	Khúc Hạo (? - 917)	Ninh Giang - Hải Dương	Người nổi nghiệp họ Khúc cùng cố nền tự chủ thời Hán thuộc. Nhà cải cách chính trị, kinh tế.	Cổ trung đại
80	Khúc Thừa Dụ (? - 907)	Ninh Giang - Hải Dương	Người tạo dựng nên nền tự chủ cho người Việt từ ách đô hộ nhà Hán, đặt dấu chấm kết thúc thời đại Bắc thuộc.	Cổ trung đại
81	Kim Đồng (1929 - 1943)	Hà Quảng - Cao Bằng	Chiến sĩ cách mạng thời chống Pháp. Tấm gương tiêu biểu của thiếu nhi Việt Nam	Cận đại
82	Lạc Long Quân		Nhân vật huyền sử	Cổ trung đại
83	Lâm Hoảng (1824 - 1883)	Do Linh - Quảng Trị	Võ tướng Triều Tự Đức. Có tiếng vì tự vẫn khi trấn giữ Trấn hải đài ở Thuận An chống Pháp.	Cận đại
84	Lê Chương (1914 - 1973)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng, chính trị và quân sự. Bí thư Xứ uỷ Trung kỳ (1941). Thiếu tướng QĐNDVN	Hiện đại
85	Lê Duẩn (1907 - 1986)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng - Nhà chính trị kiệt xuất. Tổng Bí thư đảng Cộng sản Việt Nam.	Hiện đại
86	Lê Đại Hành (941 - 1005)	Thọ Xuân - Thanh Hóa	Vị tướng tài triều Đinh. Vua sáng lập triều Tiền Lê.	Cổ trung đại
87	Lê Đức Thọ (1911 - 1990)	Nam Ninh - Nam Định	Nhà hoạt động cách mạng, nhà chính trị. Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước.	Hiện đại
88	Lê Hồng Phong (1902 - 1942)	Hưng Nguyên - Nghệ An	Nhà hoạt động cách mạng, nhà chính trị. Chiến sĩ Cộng sản tiền bối.	Cận đại
89	Lê Hữu Trữ	Triệu Phong -	Liệt sĩ - Anh hùng LLVTND	Hiện đại



<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
	(1928 - 1967)	Quảng Trị		
90	Lê Lai (? - 1418)	Ngọc Lặc - Thanh Hóa	“Đệ nhất công thần” của triều Lê vì có công cứu Lê Lợi trong khởi nghĩa Lam Sơn	Cổ trung đại
91	Lê Lợi (1385 - 1433)	Thọ Xuân - Thanh Hóa	Anh hùng dân tộc trong cuộc khởi nghĩa chống quân xâm lược Minh giành độc lập. Vua sáng lập triều Lê.	Cổ trung đại
92	Lê Ngọc Hân (1770 - 1799)	Gia Lâm - Hà Nội	Vợ vua Quang Trung, nhân vật gắn với triều đại bị hùng Tây Sơn.	Cổ trung đại
93	Lê Phụng Hiểu (Thế kỷ XI)	Hoàng Hoá - Thanh Hóa	Danh tướng triều Lý. Người có công đưa vua Lý Thái Tông lên ngôi.	Cổ trung đại
94	Lê Quang Đạo (1921 - 1999)	Từ Sơn - Bắc Ninh	Nhà hoạt động cách mạng. Nhà chính trị, quân sự.	Hiện đại
95	Lê Quang Định (1760 - 1813)	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	Quan triều Nguyễn - Nhà thơ - Nhà nghiên cứu địa dư.	Cổ trung đại
96	Lê Văn Duyệt (1763 - 1832)	Mộ Đức - Quảng Ngãi	Tướng triều Nguyễn. Nhà quân sự và chính trị xuất sắc.	Cổ trung đại
97	Lê Quý Đôn (1726 - 1784)	Duyên Hà - Thái Bình	Học giả - Bác học - Nhà ngoại giao - Nhà văn hoá lớn thời chúa Trịnh.	Cổ trung đại
98	Lê Thanh Nghị (1911 - 1989)	Gia Lộc - Hải Dương	Nhà hoạt động cách mạng. Nhà chính trị. Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước.	Hiện đại
99	Lê Thánh Tông (1442 - 1497)	Thanh Hóa	Hoàng đế triều Lê. Người mở ra thời thịnh trị nhất trong các triều đại phong kiến Việt Nam - Nhà thơ lớn.	Cổ trung đại
100	Lê Thế Hiếu (1892 - 1947)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng. Lãnh tụ của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên Quảng Trị (1925-1928).	Cận đại
101	Lê Thế Tiết (1900 - 1940)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng. Bí thư đầu tiên của Tỉnh ủy Quảng Trị (1930).	Cận đại
102	Lê Thị Tuyết (1949 -	Hải Lăng - Quảng	Liệt sĩ - Anh hùng LLVTND thời chống Mỹ	Hiện đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
	1968)	Trị		
103	Lê Trinh (1850 - 1909)	Triệu Phong - Quảng Trị	Quan đại thần triều Nguyễn, người có công đưa vua Duy Tân lên ngôi và xử cho Phan Chu Trinh khỏi bị án chém - Nhà thơ.	Cận đại
104	Lê Trọng Tấn (1914 - 1986)	Hoài Đức - Hà Nội	Nhà quân sự tài ba. Đại tướng QĐNDVN	Hiện đại
105	Lê Trực (Thế kỷ XIX)	Tuyên Hoá - Quảng Binh	Quan triều Nguyễn. Thủ lĩnh nhóm nghĩa binh ở Quảng Bình tham gia phong trào Cần Vương chống Pháp.	Cận đại
106	Lê Văn Hưu (1230 - 1322)	Thiệu Hoá - Thanh Hóa	Quan triều Trần. Nhà văn hoá - Nhà sử học nổi tiếng.	Cổ trung đại
107	Lê Văn Kính (1940 - 1965)	Triệu Phong - Quảng Trị	Liệt sĩ - Anh hùng LLVTND	Hiện đại
108	Lê Văn Lương (1914 - 1996)	Văn Giang - Hưng Yên	Nhà hoạt động cách mạng, nhà chính trị. Chiến sĩ Cộng sản tiên bối.	Hiện đại
109	Lưu Hữu Phước (1921 - 1989)	Ô Môn - Hậu Giang	Nhạc sĩ - Nhà hoạt động văn hoá, nghệ thuật.	Hiện đại
110	Lưu Quang Vũ (1948 - 1988)	Thành phố Đà Nẵng	Nhà viết kịch nổi tiếng. Nhà hoạt động văn hoá.	Hiện đại
111	Lưu Trọng Lư (1912 - 1919)	Bố Trạch - Quảng Binh	Nhà thơ, nhà văn - Người khởi xướng phong trào Thơ Mới. Nhà hoạt động văn hoá, văn nghệ.	Cận đại
112	Lương Định Của (1918 - 1975)	Sóc Trăng	Nhà Nông học Việt Nam.	Hiện đại
113	Lương Khánh Thiện (1903 - 1941)	Thanh Liêm - Hà Nam	Nhà hoạt động cách mạng, nhà chính trị. Chiến sĩ Cộng sản tiên bối.	Cận đại
114	Lương Ngọc Quyến (1885 - 1917)	Thường Tín - Hà Nội	Lãnh tụ tiên bối của Việt Nam Quang Phục Hội. Thủ lĩnh của khởi nghĩa Thái Nguyên (8-1917)	Cận đại
115	Lương Thế Vinh	Vụ Bản - Nam Định	Trạng nguyên thời Lê. Nhà văn hoá, nhà toán học nổi	Cổ trung đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
	(1442 - ?)		tiếng. Tô ngành toán học Việt Nam.	
116	Lương Văn Can (1854 - 1927)	Thường Tín - Hà Nội	Nhà chí sĩ yêu nước chống Pháp. Lãnh tụ phong trào Đông kinh Nghĩa Thục	Cận đại
117	Lý Chiêu Hoàng (1218 - 1278).	Hà Nội	Nữ hoàng trẻ duy nhất của lịch sử VN có số phận gắn với cuộc chuyển giao quyền lực giữa triều Lý và triều Trần	Cổ trung đại
118	Lý Đạo Thành (? - 1081)	Từ Sơn - Bắc Ninh	Thái sư triều Lý Thánh Tông. Nhà quân sự tài ba.	Cổ trung đại
119	Lý Nam Đế (503 - 548)	Hà Nội	Lãnh tụ khởi nghĩa chống lại ách đô hộ nhà Lương, giành độc lập thời Bắc thuộc	Cổ trung đại
120	Lý Quốc Sư (1066 - 1141)	Gia Viễn - Ninh Bình	Thiền sư. Quốc sư triều Lý Thần Tông. Tổ sư nghề đúc đồng.	Cổ trung đại
121	Lý Thái Tổ (974 - 1028)	Từ Sơn - Bắc Ninh	Hoàng đế sáng lập ra triều Lý. Người mở đầu cho nền văn hoá Thăng Long.	Cổ trung đại
122	Lý Thường Kiệt (1019 - 1105)	Vĩnh Phúc	Nhà quân sự. Vị tướng tài danh trong lịch sử Việt Nam	Cổ trung đại
123	Mạc Đăng Dung (1483 - 1541)	Nghi Dương - Hải Dương	Vua sáng lập triều Mạc, có nhiều công lao chấn hưng đất nước.	Cổ trung đại
124	Mạc Đĩnh Chi (1271 - 1346)	Chí Linh - Hải Dương	Trạng Nguyên đời Trần. Nhà ngoại giao.	Cổ trung đại
125	Mạc Thị Bưởi (1927 - 1951)	Nam Sách - Hải Dương	Anh hùng LLVTND thời chống Pháp.	Hiện đại
126	Mai Hắc Đế (? - 722)	Thạch Hà - Hà Tĩnh	Lãnh tụ khởi nghĩa chống lại ách đô hộ nhà Đường, giành độc lập thời Bắc thuộc.	Cổ trung đại
127	Minh Mạng (1791 - 1840)	Thừa Thiên Huế	Hoàng đế thứ 2 nhà Nguyễn. Người mở ra thời quân chủ mạnh nhất trong các triều đại phong kiến Việt Nam.	Cổ trung đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
128	Nam Cao (1914 - 1951)	Lý Nhân - Hà Nam	Nhà văn - Nhà hoạt động văn hoá.	Cận đại
129	Ngô Gia Tự (1908 - 1935)	Bắc Ninh	Nhà hoạt động cách mạng, nhà chính trị. Lãnh tụ tiền bối của Đảng.	Cận đại
130	Ngô Quyền (899 - 944)	Hà Nội	Nhà quân sự. Vị tướng tài danh trong lịch sử Việt Nam. Người lập ra nhà nước phong kiến tập quyền đầu tiên của nước ta.	Cổ trung đại
131	Ngô Sĩ Liên (Thế kỷ XV)	Chương Mỹ - Hà Nội	Tiến sĩ thời Lê. Nhà sử học nổi tiếng.	Cổ trung đại
132	Ngô Tất Tố (1894 - 1954)	Đông Anh - Hà Nội	Nhà báo, nhà văn, nhà hoạt động văn hoá. Nổi tiếng về đồng văn học hiện thực phê phán.	Cận đại
133	Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803)	Thanh Trì - Hà Nội	Nhà văn hoá - Nhà quân sự lớn thời Tây Sơn	Cổ trung đại
134	Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780)	Thanh Oai - Hà Nội	Nhà hoạt động chính trị - Nhà văn hoá lớn của thế kỷ XVIII.	Cổ trung đại
135	Ngô Thị Liễu (1905 - 1984)	Thị xã Quảng Trị - Quảng Trị	Nhà hoạt động văn hoá, nghệ thuật. Nghệ sĩ Nhân dân.	Hiện đại
136	Ngô Văn Sở (? - 1794)	Can Lộc - Hà Tĩnh	Danh tướng thời Tây Sơn	Cổ trung đại
137	Nguyễn Hồng (1918 - 1982)	Nam Định	Nhà hoạt động cách mạng và văn hoá. Nhà văn lớn thuộc dòng hiện thực phê phán.	Hiện đại
138	Nguyễn An Ninh (1900 - 1943)	TP.Hồ Chí Minh	Chí sĩ yêu nước chống Pháp - Nhà báo, nhà văn.	Cận đại
139	Nguyễn Biểu (? - 1413)	Đức Thọ - Hà Tĩnh	Nhân vật lịch sử gắn với cuộc khởi nghĩa của nhà Hậu Trần chống quân xâm lược Minh.	Cổ trung đại
140	Nguyễn Bình (1906 - 1951)	Yên Mỹ - Hưng Yên	Nhà hoạt động cách mạng. Nhà quân sự. Vị tướng tài ba của QĐNVN thời Pháp.	Hiện đại



<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
141	Nguyễn Bình Khiêm (1491 - 1558)	Hải Phòng	Trạng Nguyên thời Lê - Mạc. Nhà văn hoá nổi tiếng.	Cổ trung đại
142	Nguyễn Cảnh Chân (? - 1409)	Nam Đàn - Nghệ An	Nhân vật lịch sử gắn với cuộc khởi nghĩa của nhà Hậu Trần chống quân xâm lược Minh.	Cổ trung đại
143	Nguyễn Cao (1828 - 1887)	Quế Võ - Bắc Ninh	Thủ lĩnh nghĩa quân chống Pháp	Cận đại
144	Nguyễn Chí Thanh (1914 - 1967)	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	Nhà hoạt động cách mạng. Nhà quân sự. Đại tướng QĐNVN.	Hiện đại
145	Nguyễn Công Hoan (1903 - 1977)	Văn Giang - Hưng Yên	Nhà văn, nhà hoạt động văn hoá. Nổi tiếng về dòng văn học hiện thực phê phán.	Hiện đại
146	Nguyễn Công Trứ (1778 - 1858)	Nghi Xuân - Hà Tĩnh	Quan đại thần triều Nguyễn. Có công lớn trong khai hoang lấn biển. Nhà thơ tài hoa.	Cổ trung đại
147	Nguyễn Cơ Thạch (1921 - 1998)	Vụ Bản - Nam Định	Nhà hoạt động cách mạng. Nhà hoạt động ngoại giao nổi tiếng. Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước.	Hiện đại
148	Nguyễn Cư Trinh (1716 - 1761)	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	Quan triều chúa Nguyễn. Nhà hoạt động chính trị và văn hoá. Nhà văn, nhà thơ.	Cổ trung đại
149	Nguyễn Du (1766 - 1820)	Nghi Xuân - Hà Tĩnh	Đại thi hào dân tộc. Danh nhân văn hoá thế giới.	Cổ trung đại
150	Nguyễn Duy Trinh (1910 - 1985)	Nghi Lộc - Nghệ An	Nhà hoạt động cách mạng. Nhà hoạt động ngoại giao nổi tiếng.	Hiện đại
151	Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1880)	TP.Hồ Chí Minh	Nhà thơ yêu nước chống Pháp.	Cận đại
152	Nguyễn Đức Cảnh (1908 - 1932)	Thái Thụy - Thái Bình	Nhà hoạt động cách mạng, nhà chính trị. Lãnh tụ tiền bối của Đảng.	Cận đại
153	Nguyễn Đức Thuận (1916 - 1985)	Vụ Bản - Nam Định	Nhà hoạt động cách mạng, nhà chính trị. AHLTVTND.	Hiện đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
154	Nguyễn Đông Chi (1915 - 1984)	Can Lộc - Hà Tĩnh	Nhà hoạt động cách mạng - Nhà nghiên cứu văn hoá tài danh.	Hiện đại
155	Nguyễn Gia Thiều (1741 - 1789)	Thuận Thành - Bắc Ninh	Quan triều chúa Trịnh. Tác giả <i>Cung oán ngâm khúc</i> nổi tiếng.	Cổ trung đại
156	Nguyễn Hàm Ninh (1808 - 1867)	Quảng Trạch - Quảng Bình	Quan triều Nguyễn. Nhà thơ.	Cận đại
157	Nguyễn Hiền (1235 - ?)	Mỹ Lộc - Nam Định	Trạng nguyên triều Trần.	Cổ trung đại
158	Nguyễn Hoàng (1524 - 1613)	Hà Trung - Thanh Hoá	Vị chúa đầu tiên khai lập nên triều đại Nguyễn. đóng thủ phủ ở Ái Tử - Trà Bát Quảng Trị, có công lớn mở mang Đàng Trong.	Cổ trung đại
159	Nguyễn Huệ (1753 - 1792)	Tây Sơn - Bình Định	Lãnh tụ kiệt xuất của phong trào Tây Sơn. Nhà quân sự thiên tài. Hoàng đế triều đại Tây Sơn.	Cổ trung đại
160	Nguyễn Huy Tưởng (1912 - 1960)	Đông Anh - Hà Nội	Nhà hoạt động cách mạng và văn hoá - Nhà văn.	Hiện đại
161	Nguyễn Hữu Ba (1914 - 1997)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động văn hoá, nghệ thuật.	Hiện đại
162	Nguyễn Hữu Huân (1816 - 1875)	Kiến Hưng - Tiền Giang	Quan triều Nguyễn. Thủ lĩnh nghĩa quân Mỹ Tho chống Pháp.	Cận đại
163	Nguyễn Hữu Mai (1914 - 1995)	Hải Lăng - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước.	Hiện đại
164	Nguyễn Hữu Khiếu (1915 - 2004)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng.	Hiện đại
165	Nguyễn Hữu Thiện (1757-1831)	Triệu Phong - Quảng Trị	Quan triều Nguyễn. Nhà khoa học thiên về thiên văn, lịch số, toán pháp.	Cổ trung đại
166	Nguyễn Hữu Thọ	Bến Lức - Long An	Luật sư. Nhà trí thức lớn. Nhà hoạt động cách mạng.	Hiện đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
	(1910 - 1996)		Nhà chính trị. Người đứng đầu Chính phủ CMLTCHMNVN.	
167	Nguyễn Khánh Toàn (1905 - 1993)	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	Nhà hoạt động cách mạng. Nhà hoạt động chính trị và văn hoá. Học giả, nhà khoa học.	Hiện đại
168	Nguyễn Khắc Cần (1875 - 1913)	Gia Lâm - Hà Nội	Chi sĩ yêu nước trong phong trào Đông Du và Việt Nam Quang Phục Hội.	Cận đại
169	Nguyễn Khắc Nhu (1882 - 1930)	Yên Dũng - Bắc Giang	Chi sĩ yêu nước chống Pháp. Nhân vật quan trọng của Việt Nam Quốc dân đảng. Thủ lĩnh khởi nghĩa Yên Bái (1930).	Cận đại
170	Nguyễn Khuyến (1835 - 1909)	Bình Lục - Hà Nam	Quan Triều Nguyễn. Nhà thơ thuộc dòng hiện thực và trào lộng nổi tiếng.	Cận đại
171	Nguyễn Lương Bằng (1907 - 1979)	Thanh Miện - Hải Dương	Nhà hoạt động cách mạng. Nhà chính trị. Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước.	Hiện đại
172	Nguyễn Minh Châu (1930 - 1989)	Quỳnh Lưu - Nghệ An	Nhà hoạt động văn hoá. Nhà văn quân đội.	Hiện đại
173	Nguyễn Phi Khanh (1356 - 1429)	Chí Linh - Hải Dương	Quan triều Hồ. Nhà thơ. Tư tưởng yêu nước được thể hiện qua lời dặn dò với con là Nguyễn Trãi.	Cổ trung đại
174	Nguyễn Phong Sắc (1902 - 1930)	Hà Nội	Một trong những người sáng lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, tổ chức tiền thân của Đảng CSVN.	Cận đại
175	Nguyễn Phúc Chu (1674 - 1725)	Hà Trung - Thanh Hoá	Vị chúa thứ 6 thời chúa Nguyễn. Có nhiều công lớn trong mở mang bờ cõi Phương Nam.	Cổ trung đại
176	Nguyễn Phúc Khoát (? - 1765)	Hà Trung - Thanh Hoá	Vị chúa thứ 8 thời chúa Nguyễn. Người có công lớn trong việc thiết lập thể chế chính quyền và kinh tế xã hội Đàng Trong; mở mang bờ cõi.	Cổ trung đại
177	Nguyễn Phúc Nguyên (1562 - 1635)	Hà Trung - Thanh Hoá	Vị chúa thứ 2 thời chúa Nguyễn. Người có công chính thức khai lập nhà chúa; đóng dinh ở Quảng Trị.	Cổ trung đại
178	Nguyễn Quang Bích	Kiến Xương - Thái Bình	Quan triều Nguyễn. Lãnh tụ của nghĩa quân khởi nghĩa trong phong trào Cần vương chống Pháp toàn	Cận đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
	(1832 - 1889)		miền Bắc Nhà thơ.	
179	Nguyễn Quang Xá (1920 - ?)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị.	Hiện đại
180	Nguyễn Quý Đức (1648 - 1720)	Từ Liêm - Hà Nội	Quan đại thần triều Lê. Nhà giáo, nhà chính trị, ngoại giao tài giỏi - Nhà sử học uyên bác - Nhà thơ.	Cổ trung đại
181	Nguyễn Sinh Sắc (1863 - 1929)	Nam Đàn - Nghệ An	Quan triều Nguyễn. Sĩ phu yêu nước. Thân sinh CT Hồ Chí Minh.	Cận đại
182	Nguyễn Sơn (1908 - 1956)	Gia Lâm - Hà Nội	Nhà quân sự. Vị tướng tài danh của QĐNDVN thời chống Pháp.	Hiện đại
183	Nguyễn Tất Thành (1890- 1969)	Nam Đàn- Nghệ An	Tên thời trẻ của Chủ tịch Hồ Chí Minh	Cận đại
184	Nguyễn Thái Học (1904 - 1930)	Vĩnh Hưng - Hưng Yên	Chi sĩ yêu nước. Lãnh tụ của Việt Nam Quốc dân đảng. Thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa Yên Bái chống Pháp (1930).	Cận đại
185	Nguyễn Thị Định (1920 - 1992)	Bến Tre	Nhà hoạt động cách mạng. Nhà quân sự. Nữ tướng lừng danh của QĐNDVN thời chống Mỹ. AHLLVTND.	Hiện đại
186	Nguyễn Thị Lý (1950 - 1968)	Triệu Phong - Quảng Trị	Liệt sĩ - Anh hùng LLVTND thời chống Mỹ	Hiện đại
187	Nguyễn Thị Minh Khai (1910 - 1941)	Thanh Xuân - Hà Nội	Nhà hoạt động cách mạng, nhà chính trị. Lãnh tụ tiền bối của Đảng.	Cận đại
188	Nguyễn Thị Thập (1908 - 1996)	Châu Thành - Tiền Giang	Nhà hoạt động cách mạng, nhà chính trị. Chiến sĩ Cộng sản tiền bối.	Hiện đại
189	Nguyễn Thiện Thuật (1841 - 1926)	Mỹ Hào - Hưng Yên	Quan triều Nguyễn. Thủ lĩnh nghĩa quân trong khởi nghĩa Bãi Sậy (1885 - 1889) hưởng ứng phong trào Cần Vương.	Cận đại
190	Nguyễn Thiếp	Đức Thọ - Hà Tĩnh	Nhà chiến lược. Quan triều Tây Sơn. Có công giúp	Cổ trung đại



<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
	(723 - 1804)		cho Quang Trung nhiều kế sách.	
191	Nguyễn Thượng Hiền (1868 - 1925)	Ứng Hoà - Hà Nội	Quan Triều Nguyễn. Chí sĩ yêu nước trong phong trào Đông Du và hoạt động của Việt Nam Quang Phục hội.	Cận đại
192	Nguyễn Tuân (1910 - 1987)	Hà Nội	Nhà văn lớn của Việt Nam, nổi tiếng về thể loại tùy bút, ký.	Hiện đại
193	Nguyễn Tư Giản (1823 - 1890)	Đông Anh - Hà Nội	Tiến sĩ triều Thiệu Trị. Học giả. Người có tư tưởng canh tân, chấn hưng đất nước.	Cận đại
194	Nguyễn Tự Như (? - ?)	Do Linh - Quảng Trị	Tiến sĩ thời Nguyễn. Sĩ phu yêu nước chống Pháp. Thủ lĩnh nhóm nghĩa quân Do Linh tham gia Cần Vương.	Cận đại
195	Nguyễn Trãi (1380 - 1442)	Thường Tín - Hà Nội	Nhà chính trị, quân sự, ngoại giao kiệt xuất. Nhà thơ lớn. Danh nhân văn hoá thế giới.	Cổ trung đại
196	Nguyễn Tri Phương (1800 - 1873)	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	Quan triều Nguyễn. Nêu cao tinh thần chống Pháp, tử thủ cùng thành Hà Nội.	Cận đại
197	Nguyễn Trung Ngạn (1289 - 1370)	Hưng Yên	Quan triều Trần. Học giả trong lĩnh vực hình luật. Nhà thơ.	Cổ trung đại
198	Nguyễn Trung Trực (1838 - 1868)	Long An	Nhân vật lịch sử yêu nước chống Pháp. Nổi tiếng về việc đốt tàu Pháp trên sông Vàm Cỏ. Thủ lĩnh nghĩa quân, tích cực kháng Pháp.	Cận đại
199	Nguyễn Trường Tộ (1828 - 1871)	Hưng Nguyên - Nghệ An	Nhà tư tưởng cải cách để canh tân chấn hưng đất nước thời Nguyễn.	Cận đại
200	Nguyễn Văn Cừ (1912 - 1941)	Từ Sơn - Bắc Ninh	Nhà hoạt động cách mạng, nhà chính trị. Lãnh tụ tiền bối của Đảng.	Cận đại
201	Nguyễn Văn Giáo (1932 - 1967)	Triệu Phong - Quảng Trị	Liệt sĩ - Anh hùng LLVTND thời chống Mỹ	Hiện đại
202	Nguyễn Văn Huyền (1908 - 1975)	Hoài Đức - Hà Nội	Nhà hoạt động văn hoá, giáo dục. Học giả. Nhà khoa học.	Hiện đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
203	Nguyễn Văn Linh (1915 - 1998)	Yên Mỹ - Hưng Yên	Nhà hoạt động cách mạng, nhà chính trị. Lãnh tụ xuất sắc của Đảng. Người khởi xướng công cuộc đổi mới.	Hiện đại
204	Nguyễn Văn Siêu (1799 - 1872)	Thanh Trì - Hà Nội	Nhà văn hoá. Nổi tiếng uyên bác về văn chương.	Cận đại
205	Nguyễn Văn Tố (1889 - 1947)	Hà Nội	Nhà hoạt động văn hoá. Nhà chính trị.	Cận đại
206	Nguyễn Văn Trỗi (1940 - 1964)	Điện Bàn - Quảng Nam	Liệt sĩ - AHLVTND thời chống Mỹ. Nổi tiếng từ vụ đánh bom ám sát Mc.Namara.	Hiện đại
207	Nguyễn Văn Tú (? - ?)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nghệ nhân làm đồng hồ và kính thiên văn theo kỹ thuật phương tây nổi tiếng thời chúa Nguyễn.	Cổ trung đại
208	Nguyễn Văn Tường (1824 - 1886)	Triệu Phong - Quảng Trị	Quan đại thần triều Nguyễn. Người cầm đầu phe chủ chiến chống Pháp của triều đình Huế.	Cận đại
209	Nguyễn Việt Xuân (1933 - 1964)	Vĩnh Phúc	Nhân vật lịch sử biểu trưng cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng thời chống Mỹ.	Hiện đại
210	Nguyễn Vức (? - ?)	Đông Hà - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng. Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Trị (1939).	Cận đại
211	Nguyễn Xí (1396 - 1465)	Nghi Xuân - Hà Tĩnh	Danh tướng thời Lê.	Cổ trung đại
212	Ông Ích Khiêm (1832 - 1844)	Hoà vang - Đà Nẵng	Quan triều Nguyễn. Có tinh thần chủ chiến, yêu nước chống Pháp.	Cận đại
213	Phạm Đình Hồ (1768 - 1839)	Bình Giang - Hải Dương	Học giả nghiên cứu về văn, sử, địa - Nhà văn	Cổ trung đại
214	Phạm Hồng Thái (1884 - 1924)	Hung Nguyên - Nghệ An	Chi sĩ yêu nước. Nhà hoạt động cách mạng trong tổ chức Tâm Tâm Xã. Nổi tiếng trong vụ mưu sát toàn quyền Merlin ở Sa Diện.	Cận đại
215	Phạm Hùng (1912 - 1988)	Châu Thành - Trà Vinh	Nhà hoạt động cách mạng. Nhà chính trị. Lãnh tụ xuất sắc của Đảng.	Hiện đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
216	Phạm Huy Thông (1916 - 1988)	Ấn Thi - Hưng Yên	Học giả - Nhà khoa học - Nhà hoạt động cách mạng. Nhà thơ, nhà sử học, nhà sư phạm	Hiện đại
217	Phạm Ngọc Thạch (1909 - 1968)	Bình Thuận	Nhà hoạt động cách mạng - Nhà khoa học. Bác sĩ, giáo sư, Anh hùng lao động.	Hiện đại
218	Phạm Ngũ Lão (1255 - 1320)	Ấn Thi - Hưng Yên	Nhân vật lịch sử gắn với 2 lần chống quân Nguyên Mông. Danh tướng thời Trần.	Cổ trung đại
219	Phạm Sư Mạnh (Thế kỷ XIV)	Kinh Môn - Hải Dương	Quan triều Trần. Nhà ngoại giao - Nhà thơ.	Cổ trung đại
220	Phạm Thận Duật (1825 - 1885)	Yên Mô - Ninh Bình	Quan đại thần triều Nguyễn. Sĩ phu yêu nước trong phong trào cần Vương chống Pháp.	Cận đại
221	Phạm Văn Đồng (1906 - 2000)	Mộ Đức - Quảng Ngãi	Nhà hoạt động cách mạng. Nhà chính trị. Nhà văn hoá. Lãnh tụ xuất sắc của Đảng.	Hiện đại
222	Phan Bội Châu (1867 - 1940)	Nghệ An	Chí sĩ yêu nước chống Pháp. Nhà hoạt động cách mạng. Người khởi xướng phong trào Đông Du. Nhà văn - Nhà tư tưởng đầu Tk XX.	Cận đại
223	Phan Châu Trinh (1872 - 1926)	Tiên Phước - Quảng Nam	Chí sĩ yêu nước. Nhà hoạt động cách mạng. Nhà tư tưởng đầu Tk XX.	Cận đại
224	Phan Đăng Lưu (1901 - 1941)	Yên Thành - Nghệ An	Nhà hoạt động cách mạng. Nhà chính trị. Chiến sĩ Cộng sản tiền bối.	Cận đại
225	Phan Đình Giót (1920 - 1954)	Cầm Xuyên - Hà Tĩnh	Liệt sĩ. Anh hùng LLVTND thời chống Pháp.	Hiện đại
226	Phan Đình Phùng (1847 - 1895)	Đức Thọ - Hà Tĩnh	Tiến sĩ. Quan triều Nguyễn. Thủ lĩnh nghĩa quân trong khởi nghĩa Hương Khê hưởng ứng phong trào Cần Vương.	Cận đại
227	Phan Huy Chú (1782 - 1840)	Hà Tĩnh	Học giả. Nhà bách khoa - Nhà nghiên cứu sử học, văn hoá nổi tiếng.	Cổ trung đại
228	Phan Huy Ích	Can Lộc - Hà Tĩnh	Quan đại thần triều Tây Sơn. Nhà nghiên cứu sử học,	Cổ trung đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
	(1750 - 1822)		văn hoá nổi tiếng.	
229	Phan Kế Bính (1875 - 1921)	Tây Hồ - Hà Nội	Nhà văn, dịch giả - Nhà nghiên cứu văn học uyên thâm.	Cận đại
230	Phan Phu Tiên (Thế kỷ XV)	Từ Liêm - Hà Nội	Quan triều Lê. Nhà sử học, nghiên cứu văn học – Nhà giáo nổi tiếng.	Cổ trung đại
231	Phan Thanh Giản (1796 - 1867)	Bảo An - Vĩnh Long	Quan đại thần triều Nguyễn. Nhà chính trị, ngoại giao thế kỷ XIX. Nhà văn.	Cận đại
232	Phan Trọng Tuệ (1917 - 1991)	Thanh Trì - Hà Nội	Nhà hoạt động cách mạng. Nhà chính trị.	Hiện đại
233	Phan Văn Trị (1830 - 1910)	TP.Hồ Chí Minh	Chí sĩ yêu nước chống Pháp. đấu tranh bằng văn chương.	Cận đại
234	Phan Văn Trường (1876 - 1933)	Từ Liêm - Hà Nội	Chí sĩ yêu nước chống Pháp. Đấu tranh chống pháp qua diễn đàn báo chí.	Cận đại
235	Phó Đức Chính (1908 - 1930)	Hung Yên	Chí sĩ yêu nước chống Pháp. Một trong những người tổ chức nên Quốc dân đảng.	Cận đại
236	Phùng Chí Kiên (1901 - 1941)	Diễn Châu - Nghệ An	Nhà hoạt động cách mạng. Chiến sĩ Cộng sản tiền bối. Thế hệ đầu tiên của QĐNDVN	Cận đại
237	Phùng Hưng (? - 789)	Đường Lâm - Hà Nội	Lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa chống ách đô hộ nhà Đường giành độc lập dân tộc (791), xây dựng nền tự chủ được 7 năm. Xung Bó Cái Đại Vương	Cổ trung đại
238	Phùng Khắc Khoan (1528 - 1613)	Thạch Thất - Hà Nội	Quan đại thần triều Lê. Nhà ngoại giao. Nhà văn, học giả uyên bác.	Cổ trung đại
239	Tạ Quang Bửu (1910 - 1986)	Nam Đàn - Nghệ An	Giáo sư - Nhà bác học. Nhà hoạt động chính trị và khoa học	Hiện đại
240	Tản Đà (1888 - 1939)	Ba Vì - Hà Tây	Nhà thơ tài hoa - Nhà nghiên cứu và hoạt động văn hoá	Cận đại
241	Tăng Bạt Hổ	Hoài Nhơn - Bình	Chí sĩ yêu nước chống Pháp. Nhân vật quan trọng của	Cận đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
	(1859 - 1906)	Định	Duy Tân hội và phong trào Đông Du.	
242	Thái Phiên (1882 - 1916)	Hoà Vang - Đà Nẵng	Chỉ sĩ yêu nước chống Pháp. Nhân vật quan trọng của Duy Tân hội và phong trào Đông Du.	Cận đại
243	Thanh Tịnh (1911 - 1988)	Do Linh - Quảng Trị	Nhà hoạt động văn hoá - Nhà thơ	Hiện đại
244	Thành Thái (1879 - 1954)	Thừa Thiên Huế	Hoàng đế triều Nguyễn. Vị vua có tinh thần yêu nước, tư tưởng độc lập, tích cực chống Pháp.	Cận đại
245	Thánh Gióng	Gia Lâm - Hà Nội	Nhân vật huyền sử thể hiện ý thức quật cường của dân tộc.	Cổ trung đại
246	Thân Nhân Trung (1418 - 1499)	Yên Dũng - Bắc Giang	Tiến sĩ - Quan đại thần triều Lê Thánh Tông. Tư tưởng và học thuật uyên bác.	Cổ trung đại
247	Thế Lữ (1907 - 1989)	Tiên Sơn - Bắc Ninh	Nhà thơ tài hoa, nhà hoạt động văn hoá. Người tiên phong và có công đầu đối với phong trào Thơ Mới.	Hiện đại
248	Thích Quảng Đức (1897 - 1963)	Vạn Ninh - Khánh Hoà	Nhà sư yêu nước, tự thiêu để đấu tranh đòi bình đẳng tôn giáo, bảo vệ tự do tín ngưỡng chống chế độ Mỹ Diệm.	Hiện đại
249	Thoại Ngọc Hầu (1761 - 1829)	Quảng Nam	Tướng nhà Nguyễn, giỏi thủy lợi và canh nông. Có nhiều công lớn trong đào kênh.	Cổ trung đại
250	Tô Hiến Thành (? - 1179)	Đan Phượng - Hà Nội	Quan triều Lý, giỏi văn, võ. Có công dẹp loạn, bảo vệ biên giới và khẩn hoang.	Cổ trung đại
251	Tô Hiệu (1912 - 1944)	Văn Giang - Hưng Yên	Chiến sĩ Cộng sản tiền bối. Nhà hoạt động cách mạng và chính trị.	Cận đại
252	Tô Ngọc Vân (1906 - 1954)	Văn Giang - Hưng Yên	Hoạ sĩ tài hoa. Nhà hoạt động văn hoá, nghệ thuật.	Hiện đại
253	Tô Vĩnh Diện (1924 - 1953)	Nông Cống - Thanh Hóa	Liệt sĩ - Anh hùng LLVTND trong chống Pháp.	Hiện đại
254	Tôn Đức Thắng	Long Xuyên - An	Nhà cách mạng tiền bối. Nhà hoạt động chính trị.	Hiện đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
	(1888 - 1980)	Giang	Lãnh tụ xuất sắc của Đảng và Nhà nước ta.	
255	Tôn Thất Đạm (1864 - 1888)	Tp Huế - Thừa Thiên Huế	Một trong những người của phái chủ chiến triều đình Huế phò tá Hàm Nghi tổ chức kháng chiến chống Pháp.	Cận đại
256	Tôn Thất Thiệp (1870 - 1888)	Tp Huế - Thừa Thiên Huế	Một trong những người của phái chủ chiến triều đình Huế phò tá Hàm Nghi tổ chức kháng chiến chống Pháp.	Cận đại
257	Tôn Thất Thuyết (1835 - 1913)	Tp Huế - Thừa Thiên Huế	Quan đại thần triều Nguyễn. Thủ lĩnh của phái chủ chiến triều đình Huế. Linh hồn của cuộc chiến đấu ngoan cường chống Pháp dưới cờ nghĩa Cần Vương.	Cận đại
258	Tôn Thất Tùng (1912 - 1982)	Tp Huế - Thừa Thiên Huế	Giáo sư - Bác sĩ. Nhà Bác học Việt Nam nổi tiếng thế giới về phẫu thuật gan.	Hiện đại
259	Tổng Duy Tân (1837 - 1892)	Vĩnh Lộc - Thanh Hóa	Tiến sĩ - Quan Triều Nguyễn. Chí sĩ yêu nước của phong trào cần Vương.	Cận đại
260	Trần Bình Trọng (1259 - 1285)	Thanh Liêm - Hà Nam	Tướng nhà Trần. Có nhiều công lớn trong kháng chiến chống quân Nguyên - Mông. Nổi tiếng ở khí phách biểu thị tinh thần dân tộc.	Cổ trung đại
261	Trần Cao Vân (1866 - 1916)	Điện Bàn - Quảng Nam	Chí sĩ yêu nước chống Pháp. Nhân vật quan trọng của Việt Nam Quang Phục hội.	Cận đại
262	Trần Công Tện (1920 - 1964)	Triệu Phong - Quảng Trị	Anh hùng LLVTND thời chống Mỹ	Hiện đại
263	Trần Duy Hưng (1912 - 1988)	Từ Liêm - Hà Nội	Bác sĩ - Nhà hoạt động chính trị.	Hiện đại
264	Trần Đại Nghĩa (1913 - 1997)	Vĩnh Long	Nhà khoa học - kỹ thuật quân sự tài ba. Vị tướng của QĐNDVN.	Hiện đại
265	Trần Đăng Ninh (1910 - 1955)	Vụ Bản - Nam Định	Nhà hoạt động cách mạng, chính trị và văn hoá - Nhà nghiên cứu sử học, nhà thơ, nhà văn.	Hiện đại
266	Trần Đình Ấn	Do Linh - Quảng	Quan đại thần thời chúa Nguyễn. Nhà quân sự và	Cổ trung đại



<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
	(1626 - 1706)	Trị	chính trị.	
267	Trần Hoàn (1928 - 2003)	Hải Lăng - Quảng Trị	Nhà hoạt động văn hoá - Nhạc sĩ tài danh	Hiện đại
268	Trần Huy Liệu (1901 - 1969)	Vụ Bản - Nam Định	Nhà hoạt động cách mạng tiền bối - Nhà khoa học, học giả, soạn giả, nhà báo xuất sắc.	Hiện đại
269	Trần Hưng Đạo (1231 - 1300)	Tp Nam Định - Nam Định	Danh tướng kiệt xuất trong lịch sử Việt Nam - Anh hùng dân tộc.	Cổ trung đại
270	Trần Hữu Dực (1910 - 1983)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Trị (1930). Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước.	Hiện đại
271	Trần Khánh Dư (? - 1339)	Chi Linh - Hải Dương	Danh tướng triều Trần.	Cổ trung đại
272	Trần Khát Chân (1370 - 1399)	Vĩnh Lộc - Thanh Hóa	Danh tướng triều Trần.	Cổ trung đại
273	Trần Nguyên Hân (? - 1429)	Lập Thạch - Vĩnh Phúc	Phò Lê Lợi chống quân Minh, lập nhiều chiến công.	Cổ trung đại
274	Trần Nhân Tông (1258 - 1308)	Nam Định	Hoàng đế thứ 3 triều Trần. Linh hồn của cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông. Vị tổ thứ nhất của dòng thiền Trúc Lâm.	Cổ trung đại
275	Trần Nhật Duật (1255 - 1331)	Nam Định	Dòng dõi nhà Trần. Văn võ tài toàn. Có nhiều đóng góp về quân sự, chính trị, văn hoá, nghệ thuật cho đất nước.	Cổ trung đại
276	Trần Phú (1904 - 1931)	Đức Thọ - Hà Tĩnh	Nhà hoạt động cách mạng, nhà chính trị xuất sắc. Lãnh tụ tiền bối của Đảng.	Cận đại
277	Trần Quang Diệu (? - 1802)	Hoài Ân - Bình Định	Danh tướng triều Tây Sơn.	Cổ trung đại
278	Trần Quang Khải (1241 - 1294)	Nam Định	Danh tướng triều Trần.	Cổ trung đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
279	Trần Quốc Hoàn (1916 - 1986)	Nam Đàn - Nghệ An	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước.	Hiện đại
280	Trần Quốc Toản (1267 - 1285)	Nam Định	Danh tướng triều Trần.	Cổ trung đại
281	Trần Quý Cáp (1870 - 1908)	Điện Bàn - Quảng Nam	Chỉ sĩ yêu nước chống Pháp. Nhân vật quan trọng của phong trào chống thuế Trung kỳ (1908).	Cận đại
282	Trần Quỳnh (1920 - 2005)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước.	Hiện đại
283	Trần Tế Xương (1870 - 1907)	Tp Nam Định - Nam Định	Nhân vật lịch sử	Cận đại
284	Trần Thánh Tông (1240 - 1290)	Nam Định	Hoàng đế thứ 2 triều Trần. Nhà thơ.	Cổ trung đại
285	Trần Thị Tâm (? - 1972)	Hải Lăng - Quảng Trị	Liệt sĩ. Anh hùng LLVTND thời chống Mỹ	Hiện đại
286	Trần Thủ Độ (1194 - 1264)	Hưng Hà - Thái Bình	Quốc sư triều Trần. Người có công sáng lập nên triều Trần từ sự suy thoái của triều Lý và tổ chức thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên lần thứ 1.	Cổ trung đại
287	Trần Văn Ngoạn (? - 1984)	Vĩnh Linh - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Trị (1940)	Hiện đại
288	Trần Xuân Miên (1910 - ?)	Vĩnh Linh - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Trị (1941).	Cận đại
289	Trần Xuân Soạn (1849 - 1923)	Tp Thanh Hóa - Thanh Hóa	Quan triều Nguyễn. Sĩ phu yêu nước chống Pháp dưới cờ nghĩa Cần Vương.	Cận đại
290	Triệu Việt Vương (? - 571)	Vĩnh Phúc	Người có công đưa Lý Bí lên ngôi vua, lập nước Vạn Xuân. Kế tục sự nghiệp, tổ chức kháng chiến, lên ngôi vua 22 năm.	Cổ trung đại
291	Trịnh Hoài Đức	Biên Hoà - Đồng	Quan đại thần triều Nguyễn - Nhà văn, nhà địa lý nổi	Cổ trung đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
	(1765 - 1825)	Nai	tiếng.	
292	Trương Công Kinh (1918 - 1969)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư tỉnh ủy Quảng Trị	Hiện đại
293	Trương Đình Hội (? - ?)	Vĩnh Linh - Quảng Trị	Sĩ phu yêu nước chống Pháp. Thủ lĩnh nhóm nghĩa quân Vĩnh Linh tham gia phong trào Cần Vương.	Cận đại
294	Trương Định (1820 - 1864)	Bình Sơn - Quảng Ngãi	Quan triều Nguyễn theo phái chủ chiến chống Pháp. Thủ lĩnh nghĩa quân kháng chiến ở miền Nam.	Cận đại
295	Trương Hán Siêu (? - 1355)	Yên Ninh - Ninh Bình	Nhà văn, nhà chính trị nổi tiếng triều Trần. Nhà soạn giả hình luật	Cổ trung đại
296	Trương Hoàn (1911 - 1947)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng và chính trị. Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị (1941).	Cận đại
297	Trương Chinh (1907 - 1988)	Xuân Trường - Nam Định	Nhà cách mạng tiền bối. Nhà hoạt động chính trị. Lãnh tụ xuất sắc của Đảng và Nhà nước ta.	Hiện đại
298	Tuệ Tĩnh (1341 - 1385)	Cầm Giang - Hải Dương	Thiền sư - Nhà y, được nổi tiếng của Việt Nam. Triều Minh (TQ) phong là “Đại Y Thiên Sư”	Cổ trung đại
299	Từ Đạo Hạnh (TK XII)	Từ Liêm - Hà Nội	Thiền sư, nhà văn hoá, nhà thơ. Tiền bối của nghệ thuật hát chèo	Cổ trung đại
300	Vạn Hạnh (? - 1088)	Từ Sơn - Hà Bắc	Danh tăng đời Lý. Quốc sư triều Lý Thái Tổ. Người có công đưa Lý công Uẩn lên ngôi vua, lập nên nhà Lý.	Cổ trung đại
301	Văn Cao (1923 - 1995)	Vụ Bản - Nam Định	Nhạc sĩ, họa sĩ, thi sĩ tài hoa. Nhà hoạt động văn hoá nghệ thuật có nhiều đóng góp cho đất nước.	Hiện đại
302	Văn Tân (1913 - 1988)	Hoài Đức - Hà Nội	Nhà hoạt động cách mạng - Học giả - Nhà khoa học và văn hoá.	Hiện đại
303	Võ Thị Sáu (1935 - 1952)	Đất Đỏ - Bà Rịa	Liệt sĩ - Anh hùng LLVTND thời chống Pháp.	Hiện đại
304	Vũ Ngọc Phan	Gia Bình - Bắc	Dịch giả - Nhà văn - Nhà nghiên cứu văn học dân	Hiện đại

<b>TT</b>	<b>Tên danh nhân</b>	<b>Quê quán</b>	<b>Nhận định chung</b>	<b>Phân kỳ lịch sử</b>
	(1902 - 1987)	Ninh	gian, nhà phê bình.	
305	Vũ Trọng Phụng (1912 - 1939)	Mỹ Hào - Hưng Yên	Nhà báo, nhà văn. Cây bút hiện thực phê phán nổi tiếng.	Cận đại
306	Vương Thừa Vũ (1910 - 1980)	Thanh Trì - Hà Nội	Nhà hoạt động cách mạng. Vị tướng tài ba của QĐNDVN.	Hiện đại
307	Xuân Diệu (1917 - 1985)	Can Lộc - Hà Tĩnh	Nhà thơ lớn. Nhà hoạt động văn hoá nghệ thuật.	Hiện đại
308	Xuân Thủy (1912 - 1985)	Hoài Đức - Hà Nội	Nhà thơ. Nhà hoạt động chính trị và ngoại giao. Cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước.	Hiện đại
309	Yer Sin (1863 - 1943)	Vùng Vaud - Nước Pháp	Nhà khoa học chuyên nghiên cứu về vi trùng học. Có nhiều đóng góp quan trọng cho nền y học Việt Nam.	Cận đại
310	Ỡ Lan (? - 1117)	Siêu Loại - Bắc Ninh	Nguyên phi của Lý Thánh Tông. Vị Hoàng hậu buông rèm nhiếp chính giúp con trị nước duy nhất của lịch sử Việt Nam. Có nhiều công lớn.	Cổ trung đại
311	Yết Kiêu (Thế kỷ XIII)	Gia Lộc - Hải Dương	Nhân vật lịch sử gắn với chiến công đánh thuyền giặc trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên-Mông.	Cổ trung đại

**TỔNG CỘNG: 311 mục từ.**

**Trong đó:**

- Danh nhân thuộc QUỐC GIA có: **263 mục từ.**
- Danh nhân thuộc ĐỊA PHƯƠNG QUẢNG TRỊ có: **48 mục từ.**
- Danh nhân thời kỳ CŨ, TRUNG ĐẠI có: **108 mục từ.**
- Danh nhân thời kỳ CẬN ĐẠI có: **105 mục từ.**
- Danh nhân thời kỳ HIỆN ĐẠI có: **99 mục từ.**